

LUẬN BIỆN CHÁNH

QUYỂN 3

CHƯƠNG THỨ HAI: MƯỜI ĐỜI KÍNH PHỤNG PHẬT

Nho sinh hỏi: Tín tâm dần phát, tà chấp hơi xoay, các bậc Quân Vương ở đất Hán kính phụng Phật chí tín, lâu mà càng dốc lòng, làm phước có chứng nghiệm, nay có thể được nghe chăng?

Bậc khai sĩ dẫn dụ rằng: Từ khi Hạng Nhật giáng linh, Tôn giả Ca-diếp Ma-đăng vào đất Lạc dương, những người kính phụng Phật pháp, tâm ý quy hướng không thể nói hết. Nay tôi sẽ vì ông mà lược nêu bày các bậc Quân vương, tam công, tể phụ, thông nho bác thức kính tin Phật pháp để nói cùng ông.

Vua Thế Tổ Võ Hoàng Đế (Tư Mã Viêm 265-290) thời Tây Tấn (là bậc Long nhan kỳ vĩ, thanh minh thay đổi vận, hoàng dương Phật sự, rộng tạo dựng nhiều ngôi già lam).

Vua Huệ Đế (Tư Mã Trung 250-307) thời Tây Tấn (là người quy tâm với Diệu Đạo, ý hợp với Huyền Tông, mới đến các Hạ tạo dựng chùa Hưng Thánh, cúng dường trăm vị Tăng).

Vua Mẫn Đế (Tư Mã Nghiệp 313-317) thời Tây Tấn (là người dốc ý minh cảm, xa giáng thần nghi, bèn đến Trường an, tạo dựng chùa Thông Linh và chùa Bạch Mã).

Như trên, ở thời Tây Tấn, tại kinh đô Lạc dương và Trường an, có cả thảy một trăm tám mươi ngôi chùa, có mười ba người phiên dịch kinh được bảy mươi bộ, Tăng Ni có hơn ba ngàn bảy trăm (3.700) vị.

Vua Trung Tông Nguyên Hoàng đế (Tư Mã Duệ 317-323) thời Đông Tấn (là người Văn quý đại đồng, Trung hưng tại Giang tả, tạo chùa Ngõa Quan và chùa Long Cung, độ hơn ngàn vị tăng ở Đan dương và Kiến nghiệp).

Vua Túc Tông Minh Hoàng đế (Tư Mã Thiệu 323-326) thời Đông Tấn (là người Thông thánh soi xét cao, thiết trai tạo phước, tạo dựng chùa Hoàng Hưng và chùa Đạo Tràng, nhóm tụ trăm vị Tăng nghĩa học

danh xưng).

Vua Hiến Tông Thành Hoàng đế (Tư Mã Diễn 326-343) thời Đông Tấn (là người chí ý minh thông, thánh đức xa cảm, tạo dựng chùa Trung Hưng và chùa Lộc Dã, nhóm tập ngàn vị Tăng nghĩa học phiên dịch kinh).

Vua Hiếu Ai Hoàng đế (Tư Mã Phi 362-366) thời Đông Tấn (là người xa hỏi thị thân, xoay tâm với diệu lý, mừng tiếp thật đãi, mở lớn Long Quang).

Vua Thái Tông Giản Văn Hoàng đế (Tư Mã Dục) thời Đông Tấn (là người nhân thứ ôn hợp, làm Thánh khâm minh, tạo tượng thiết trai, độ Tăng dựng chùa, đến nơi tháp cổ ở Trường can, tạo lập ngôi Phù Đồ bằng gỗ rất mực tráng lệ kỳ vĩ).

Vua Liệt Tông Hiếu Võ Đế (Tư Mã Xương Minh 373-397) thời Đông Tấn (là người với tâm tinh tấn kính phụng pháp, chí niệm thâm phù hợp. Vua nước Sư Tử khâm trọng sự mến mộ đạo ấy, nên sai Sa-môn Đàm-ma-toát từ xa mang tượng ngọc đến tặng để biểu lộ tình son sắc, thỉnh mời các danh Tăng giải nghĩa, tạo dựng chùa Hoàng Thái, bèn bỏ phủ đệ xưa cũ để làm chùa Bản Khởi).

Vua An đế (Tư Mã Đức Tông 397-419) thời Đông Tấn (là người dốc tin không biếng lười, nguyện khởi dậy Hoàng nghiệp, đến nơi tháp vua A-dục, tạo dựng chùa Đại Thạch).

Như trên, ở thời Đông Tấn với thời gian một trăm lẻ bốn năm (317-420), tạo dựng cả thảy một ngàn bảy trăm sáu mươi tám (1.768) ngôi chùa, có hai mươi bảy người phiên dịch kinh được hai trăm sáu mươi ba bộ. Tăng Ni có hai mươi bốn ngàn (24.000) vị.

Vua Cao Tổ Võ Hoàng đế (Lưu Tục 420-423) thời Tiền Tống (là người khai mở thánh nghiệp tạo lập đầu tiên, xoay trở lại thuận phác, miệng chuyên trì tụng Phạm bản, tay biên tả giới kinh. Tạo dựng chùa Linh Căn và chùa Pháp Vương, nhóm tập và cúng dường Hiền thánh, theo học khắp ngàn vị tăng).

Vua Thái Tông Minh Hoàng đế (Lưu Úc 465-473) thời Tiền Tống (là người chí trị khắc minh, miệng trì tụng kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tạo bốn tôn tượng bằng vàng đồng cao trượng tám nhưng đúc không thành, sửa đổi lại còn một tượng bốn, tức liền viên mãn trang nghiêm thành tựu; cho họa bức tranh cao trượng tám, sáng sớm thọ thực giải trai, bèn cảm có được xá-lợi, tạo dựng chùa Hoằng Phổ Trung để thỉnh mời các bậc danh tăng).

Vua Thái Tổ Văn Hoàng đế (Lưu Nghĩa Long 424-454) thời Tiền

Tống (là người kính phụng trai giới, không giết hại, tâm tinh thuần kính mộ đạo, lấy chân tế làm gốc, lấy giới Phật làm tông. Ngồi hưởng đến thái bình, thỏa đáng như Thánh chỉ, khâm trọng kính ngưỡng Sa-môn Cầu-na-bạt-ma, chuyên việc hưng thịnh đại pháp. Tạo chùa Thiên Linh, thường cúng dường ngàn vị Tăng).

Như trên, ở thời Tiền Tống, xây dựng cả thảy một ngàn chín trăm mười ba ngôi chùa, có hai mươi ba vị phiên dịch kinh được hai trăm mười bộ. Phật giáo hưng thịnh, dốc tín càng nhiều, Tăng Ni có ba mươi sáu ngàn (36.000) vị.

Vua Thái Tổ Cao Hoàng Đế (Tiêu Đạo Thành 479-483) thời Nam Tề (là người tự tay biên tả kinh Pháp Hoa, miệng đọc tụng kinh Bát-nhã. Cứ đến ngày mồng tám tháng tư thường chú đúc tôn tượng Phật bằng vàng; ngày Rằm tháng bảy, khắp các chùa đều dâng bồn cúng dường ba trăm vị danh tăng. Xây dựng chùa Trắc Dĩ và chùa Chánh Quán).

Vua Thế Tổ Võ Hoàng đế (Tiêu Trách 483-494) thời Nam Tề (là người tạo dựng chùa Chiêu Hiền và chùa Du Huyền, nhóm tập ba trăm vị danh tăng nghĩa học phiên dịch kinh điển, Tam giáo cách lượng cứ bốn năm khảo xét một lần).

Vua Cao Tông Minh Hoàng đế (Túc Loan 494-499) thời Nam Tề (là người biên tả hết thảy kinh, chú tạo ngàn tôn tượng bằng vàng, miệng đọc tụng kinh Bát-nhã, thường trì tụng kinh Pháp Hoa. Tạo dựng chùa Quy Y, thỉnh mời chư Tăng hành tập thiền, tự thân vua thọ trì sáu ngày trai, chuyên tu pháp Thập thiện).

Như trên, ở thời Nam Tề, tạo dựng cả thảy hai ngàn không trăm mười lăm (2.015) ngôi chùa. Có mười sáu vị phiên dịch kinh điển được bảy mươi hai bộ. Tăng Ni có ba mươi hai ngàn năm trăm (32.500) vị.

Vua Cao Tổ Võ Hoàng đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương (là người tánh độ rộng lớn, phong thái sáng rõ nổi trội, gá tâm nơi thất giác, luyện ý tư ở Bát thiền, chế tác Ngũ Thời Luận, đọc tụng bốn bộ Phương Đẳng. Tạo dựng năm ngôi chùa, như chùa Quang Trạch, Đồng Thái v.v... Nhóm tập ngàn vị tăng đến điện Trùng Vân để giảng pháp, khắp trong nước nhà đều thọ trì sáu ngày trai, cả triệu dân chúng đều thọ tám giới).

Vua Thái Tông Giản Văn Hoàng đế (Tiêu Cương 550-551) thời Nam Lương (là người có dáng dấp cao sáng, phong thần vượt xa, dốc lòng với diệu pháp. Đọc xem khắp Huyền Chương, tạo dựng chùa Tư Kính và chùa Báo Ân, chích máu để tự biên chép mười bộ kinh Bát-nhã. Ngày giỗ của Thái Hậu không ăn mà thiết trai cúng dường. Soạn

thuật Pháp Tập Ký hơn hai trăm quyển, Pháp Bảo Liên có bốn trăm chương).

Vua Trung Tông Hiếu Nguyên Hoàng đế (552-555) thời Nam Lương (là bậc thể thánh đa năng, vào vi linh ngộ, tạo chùa Thiên Cư và chùa Thiên Cung. Nhóm tập ngàn vị Tăng cao danh cao hạnh, tự giảng kinh Pháp Hoa, thường giải luận Thành Thật).

Như trên, ở thời Nam Lương, tạo dựng được hai ngàn tám trăm bốn mươi sáu (2.846) ngôi chùa, có bốn mươi hai vị phiên dịch kinh điển được hai trăm ba mươi tám bộ, Tăng Ni có hơn tám mươi hai ngàn bảy trăm vị (82.700) vị.

Vua Hiếu Tuyên Hoàng đế (Tiêu Sát 557-562) thời Hậu Lương.

Vua Hiếu Minh Hoàng đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương (là bậc văn minh trị vì, trùng hưng Đại bảo. Ở thời Hậu Lương, xả tặc tỏa rạng khắp cả muôn dân. Ở Kinh Châu tạo dựng các ngôi chùa Thiên Hoàng, Trắc Dĩ, Đại Minh, Bảo Quang, Tứ Vọng v.v...).

Như trên, hai vua ở thời Hậu Lương trị vì tại Giang Lăng suốt ba mươi năm (chỉ ba mươi năm: 557-587). Tạo dựng được một trăm lẻ tám ngôi chùa, ở núi có các chùa như: Thanh Khê, Lộc Khê, Phúc Thuyền, Long Sơn, Phi Sơn v.v... đều là Phật sự nghiêm lệ, Đường vũ điệu khắc kỳ lạ, người trông nhìn hẳn phát tâm, người được thấy quên trở về. Tăng Ni có ba ngàn hai trăm (3.200) vị.

Vua Cao Tổ Võ Hoàng đế (Trần Bá Tiêu 557-56) thời nhà Trần. Là người Ứng lịch báu mà lên ngôi vua, đến với Hội Xương mà làm Ty mục, thân cao tám thước, râu dài ba thước, lông xoay cuộn phủ tai, tay dài quá gối, dùng sức đại nguyện mà an giúp quần sinh, dùng đại trang nghiêm mà cắt đứt lăm nạn, trọn lời bãi áp, nghĩ báo ân đất, nguyện khiến mắng trách đều đồng mừng vui đó. Năm Vĩnh Định thứ hai (558) thời nhà Trần, ở Dương châu, tạo dựng chùa Đông An, lại vì nước nhà, giúp đỡ quần sinh. Tại ngay Dương Đô trị hạ, tạo dựng bốn ngôi chùa như Hưng Hoàng, Thiên Cư, v.v... đều là dấu cờ chạm cột đường vân sườn phán vách, ba thêm cấp chĩnh túc mà uyển chuyển, ngàn cột trụ sáng rực mà lung linh, dài bày sắp nơi lối thoáng, cửa cao gần đến đường rong. Tinh xá lời tốt chưa đâu ngang bằng. Đều nhân đức lành há có thể sánh ví! Biên tả hết thủy kinh có mười hai tạng, tạo một vạn tôn tượng bằng đồng vàng, độ bảy ngàn vị Tăng Ni, tu sửa ba mươi hai ngôi chùa cũ.

Vua Thế Tổ Văn Hoàng đế (Trần Xuyên 560-566) thời nhà Trần, là người tiếp nối làm hưng thịnh Tam bảo, hoàng hóa Ngũ thừa, ân

đượm lớn sánh như mây từ, ánh sáng tỏ so tợ tuệ nhật, hình đẹp xinh vẻ vang khắp bốn biển, tâm nhân suốt cả ba linh. Điều đầu không so lường, dáo mác đội giầu, tu sửa sáu mươi ngôi chùa cổ. Biên tả hết thấy kinh được năm mươi tạng, độ ba ngàn Tăng Ni.

Vua Cao Tông Hiếu Tuyên Hoàng đế (Trần Húc 569-583) thời nhà Trần, là người nắm bằng vàng mà dẫn trong cờ hiệu, cưỡi xe vàng mà chỉ nước trên. Đất ở Đán thích, nhậm gồm cơ hành, năm chỉ được mùa, dân chúng no đủ, trong địa vực vô sự, thiên hạ đều an khương. Đến làng cấm trung ở Dương Châu, tạo dựng chùa Thái Hoàng, nhưng lấy cần trọng tang lễ tìm tình xa tha thiết. Chương Lăng vì Thủy Hưng Chiêu Liệt Vương Hiếu Thái Phi, mà đến chùa Thái Hoàng mà tạo ngôi Phù Đồ bằng gỗ cao bảy tầng, vàng quán quanh sáng linh sánh sắc, châu xoay cùng ngọc hợp tranh ánh ngời. Lại lấy Hán Quang thiên vị để thay nhà phi thừa, thử trồng ruộng phước tạo dựng chùa Sùng Hoàng. Năm Đại Kiến thứ hai (570) thời nhà Trần, lại vì Thủy Hưng Chiêu Liệt Vương Hiếu Thái Phi, tiếp đãi muôn dân, kính phụng tạo dựng chùa Linh Sát cao mười lăm trượng, phía dưới tôn trí móng tay Đức Phật dài hai tấc, rộng một tấc, trang sức ánh ngời khảm ngọc, cất giấu các hộp báu. Hoạch ánh sáng tỏa bay năm sắc, sáng rực nổi cả một tầm, thần biến chẳng cùng, người trông thấy càng tôn kính. Tạo hai vạn tôn tượng bằng vàng đồng, tu sửa một trăm ba mươi vạn tôn tượng. Biên tả hết thấy kinh có mười hai tạng, tu sửa năm mươi ngôi chùa cũ, độ một vạn Tăng Ni.

Như trên, ở thời nhà Trần có năm vị Vương chủ với thời gian ba mươi bốn năm (557-589) tạo dựng được một ngàn hai trăm ba mươi hai (1.232) ngôi chùa, trong nước nhà có bảy ngôi chùa mới. Bá quan tạo dựng được sáu mươi tám ngôi. Trong thành có hơn ba mươi ngôi chùa lớn. Hưng Địa Đồ nói: Trong kinh đô xưa có hơn bảy trăm ngôi chùa, gặp lúc Hầu Cảnh dấy loạn, thiêu đốt gần hết. Có nhà Trần thống ngự nước nhà, bèn cùng dân chúng đều tu sửa lại, rui liền tiếp nối, dải sánh Hoàng cư, Tháp nổi cùng thấy nhau, lưới sau trị dưới”. Biên kinh tạo tượng, không thể nói hết, thiết đại hội vô giá cúng Tăng bố thí, phóng sinh cứu tội, hoàng tuyên Thập thiện, giúp đỡ bốn dân, khó thể xưng kể. Tăng Ni có ba mươi hai ngàn (32.000) vị. Có ba vị phiên dịch kinh điển được mười một bộ.

Trên đây, năm triều đại Quân vương, dốc lòng xinh đẹp Huyền phong, rộng hoàng dương Phật sự, lập chùa tạo tượng thỉnh mời các bậc danh tăng. Vua Thế Tổ thời nhà Tấn làm sống lại gia cấp. Vua Trung

Tông thời nhà Tấn giàu có ở Giang Biểu, Hoàng Minh phi thừa vận báu. Vua Hiếu Võ làm sáng rõ đức phong. Vua Cao Tổ thời nhà Tống chăm chú lo toan hơi di dời, bước trời còn trở ngại, hai năm cứng rắn, bốn trận chiến nhọc binh, trăm lo toan thỏa sướng nơi cõi lòng, muôn cơ đều ở trong tay áo, nhưng chẳng nhọc hạnh nghiệp Đàn-na, thường giữ tâm hộ pháp, sùng kính tôn trọng Đại thừa, chiêm ngưỡng búi tóc, đọc tụng Long cung, hồng Thánh chẳng nhọc, vận trong không tạm dừng. Vua Thái Tổ thời nhà Tống vận vàng nhật ấy ban trải thiên hạ thái bình đây, từng dấy khởi lòng nhân mở lưới, nghĩ trái lại chính sách gút dây. Vua Cao Tổ thời nhà Tề suốt thấu huyền diệu của chân giả, hết cả tinh hoa của Nho Mặc, bèn tu Thượng thiện, sáng tỏ Hạ Võ. Vua Cao Tổ thời nhà Lương xa với vết trước có đức, nổi theo khuôn thánh Tịnh Danh, thắt gút lưới đất đã xé, chống đỡ màn trời nát đổ, chưa rõ tìm cầu y áo, ngồi đợi chờ sáng sớm, tự gắng gượng chẳng ngưng nghỉ, đến thuận tiếp nối Di luân. Đến như áo điển của Thứu Phong, Mật Nghĩa của Kê Viên, yếu chỉ của Nhị đế và Ngũ thừa, văn từ trong Tam Tạng chín bộ, chỗ mà râu đỏ chưa rõ mắt xanh đi đến chẳng giải thích, mà đều được, văn không xem lại, nghĩa chẳng nghĩ bàn, khinh thường mưu tục của Chu Khổng, dèm chê danh lý của Lão Trang. Hay khiến các bậc Tiên Nho giải thể, đủ khiến những vì tài giỏi ở đương thời phục ứng. Ít vào sân nhà ai nhìn vách tường sâu, riêng mở gương Thánh, chóng phát tình trời. Trí lớn rộng rang ngoài trai tám tấc, tâm nhỏ giúp giúp, trong kiểm bốn nghi. Đến Xích Huyện mà tràn từ bi, ghé Huyền Hồ vì tin Hoàng thể. Ân khắp có đảnh, đạo trùm không bờ, linh ứng tốt lành, điềm hợp thấy trước, khoan nhân đức hiếu, sử đây sách sau. Chỗ hiển hộ chẳng truyền, nơi nhiếp chi chưa ghi lục, đều ghi đó vào thẻ vàng, cất giấu các ấn báu, dùng màn châu che phủ, dùng sà ngọc đỡ nâng, đài Diệu Liên Hoa ở bốn trụ, tòa sư tử vượt ở chín cấp, chẳng ngại khách cỏ êm dịu, viết trên da thay giấy, cũng thấy khách của chúng Hương, rưới huyết ngấm bụi trần.

Lương Ký nói: Vua Võ Đế ở ngôi bốn mươi chín năm (502-550), thường vì sân râm mát, sớm dốc nghỉ ngơi, cảm suy càng thêm, tự than rằng: “Tuy có được sự tôn quý của cả bốn biển, nhưng không sao tỏ bày được với vàng cực”, nên lưu tâm trong kinh điển Phật giáo, lấy tám bộ Bát-nhã là mẹ của chư Phật mười phương, hay trừ tội chướng, khéo tẩy phiền nhọc, nên tham cứu các kinh, tự thân trước thuật chú giải, Pháp luân cùng tiếp nối, trai giảng chẳng dừng tuyệt. Gá thặng phước ấy mong bày tâm hiếu, từng thay vì Nhị hoàng (song thân) mà

xả thân thắm cầu phước hựu. Mỗi lúc xả thân đất vì chuyển động. Đến Chung Sơn mà tạo dựng chùa Ái Kính, vào Thanh Khê xây chùa Trí Độ, bỏ phủ đệ nơi ở xưa trước mà tạo chùa Quang Trạch. Đến năm Phổ Thông thứ tám (527) thời Nam Lương, lại tạo dựng chùa Đồng Thái, điện đường hoa lệ, phòng hiên nghiêm sức, lướt mây chín tầng, sáng lệ như Vĩnh Ninh thời nhà Ngụy. Lại ở trong cung lập điện Chí Kính, đài Cảnh Dương xây dựng bảy miếu thất, cứ giữa tháng lại thiết bầy thức ăn chay tịnh, đến lúc tông miếu cúng tế thường, chưa từng chẳng nghẹn ngào rơi lệ, dự theo tả hữu ngậm sọt lùi quạnh lòng. Tuy có ức triệu công việc lớn mà kinh quyển chẳng từng rời tay, mở xem trong ngoài, suốt đêm tới sáng. Trước thuật bộ Thông Sử Thư Uyển và Kinh Luật Di Tướng, nghĩa loại trong tam giáo, văn ngôn của Ngũ Điển có hơn vài ngàn quyển. Đến như lưu ân nơi ngục chợ, phần nhiều thực hành lòng thương dung thứ. Có tội ấy không thể còn nguyên, thì biến đổi sắc mặt giày lâu sau đó mới hạ bút phán xét gian tà kiện tụng thì minh bạch, thông suốt như Thần. Tự mình không bày yến tiệc, không say sưa âm nhạc đàn xướng. Các thị tỳ trong Hậu cung đều không mặc tơ lụa, khăn áo của vua ở Ngự tẩm trong nội điện cũng chẳng dùng gấm vóc, mũ đai trang sức thảy làm từ vải sô thơ mộc. Vua là tấm gương mẫu mực mà muôn đời vẫn truyền tụng, mỗi ngày chỉ ăn một bữa và chỉ ăn toàn rau trái ngũ cốc. Có người mang tiến vua lợn khoai nước, củ sen, ăn vào có hương vị thơm ngon như thịt, nhân đó vua đã ban sắc chiếu cấm ăn loại đó. Các bậc Đế vương xưa nay hiếm có ai được như vậy. (Đúng là một vị quân phụ bất khả tư nghì vậy!).

Tấn Tề Vương Đại Du (nhã nhận, thanh đạm); Tấn Tần Vương Hoàng Độ (khí chất nhu hòa); Tấn An Bình Vương (khí tiết, hiếu học); Tấn Nghĩa Dương Vương (trầm tư nhập thâm); Tấn Hạ Bi Vương (đốc chí kinh lược); Tấn Cao Mật Vương (Tín sùng mẫu nhiệm); Tấn Kiếm Bình Vương (lập thân hùng dũng).

Các vị Đế vương này không ai mà không phò giúp sự nghiệp hoàng dương Phật pháp. Các quan tả hữu dưới triều đều khiến thọ lộc trai, các hàng thân quyến đều thọ trì Ngũ giới.

Tổng Lâm Xuyên Vương Nghĩa Khánh, Tổng Bành Thành Vương Nghĩa Khiêm; Tổng Nam Tiểu Vương Nghĩa Tuyên; Tổng Lâm Xuyên Tử Vương Đạo Quy; Tổng Kiến An Vương Hư Nhân... Tất cả các đời vua nhà Tống thảy đều ca ngợi kinh văn, tu tập Phật điển, mỗi tháng sáu ngày ăn chay, thọ trì Bát giới. Văn chương chữ nghĩa sáng rõ tinh tường, ngôn luận chẳng cùng, như vùng nhật tỏa rạng; như Huyền Hà

chảy cuộn cuộn, như sương khói mù tỏa trên sông. Các cung nữ, nương phi trong cung đều tu trai giới, các hàng tướng sĩ đều chăm tụng kinh. Trước tác “Tuyên Nghiệm Ký” để tán thán Tam Bảo. Vua Cảnh Lăng Tuyên Vương nhà Tề có người con Uyên Bác Lục Kinh, rõ thông bảy sách, đời tên xưng là Bút Hải, vốn dòng giỏi nhà Nho, sau lại quy hướng Thiền môn, tôn sùng kinh Phật, chuyên giảng Thành Thật Luận, tụng kinh Pháp Hoa; trước tác “Tịnh Trụ Tử” hơn hai mươi quyển, với của cải bổng lộc của nước nhà đều dùng để tu tạo công đức, thăm cảm Nhã Phạm, có loại như Trần Vương, tự thân nói Vân Nhã trở lại đồng với Đế-thích, lời vàng tạc mở đã xa trước tâm, pho ngọc mới bày, trước cháy sau rục rở, chặn màn mùa đông mùa hạ, biến phong cách vượt tuyệt, bút diễm tây hà, đối tập tục của Long Trung.

Còn Thái tử Chiêu Minh ở thời nhà Lương và Tấn An điện hạ ở thời nhà Lương. Thái tử Chiêu Minh là người khế hợp đạo, vừa mới sinh bèn đã biết, Tấn An điện hạ là người đức sáng ngang trời, đón đi nơi vườn lễ nhạc, rong rảo giữa trường nhân nghĩa. Vẻ vang của Lạc Tân, bày xưa chẳng sánh, văn hoa của Hà Khúc, đối sao chẳng kịp. Hạ mở mới mà tạm thẹn có tụng phổng vì lấm hổ, em út tám vương, liền cành mười tuần, đều học suốt cùng trăm dân, văn gồm cả chín phải triết học, khí sắc sở vượt quá gió mây, khéo từ sáng ngời so với nhật nguyệt, tôn trọng diệu pháp, phàm kính phước môn. Đến như nhân hoa sáng nở, thành nghiêm sớm nở, danh tăng kết bạn, thông Nho đông nhiều, nhã nạp từ lý, văn vẻ trong ngoài, hay khiến các vị thạc đức gây đâm, tiên hiền cáo bệnh, chẳng nhọc đùa kinh vào tám hẻm, chẳng mượn cưỡi xe dê đến cửa.

Ở thời nhà Trần có Bá Dương Vương, Dự Chương Vương, Hành Dương Vương, Quế Dương Vương, Nghĩa Dương Vương, Tân Thái Vương, sáu vị Vương đây đều là sẵn tìm bí điển, rong ruổi Thiên Chương, nghìn cứu tinh tường diệu lý, viết kinh tạo tượng, thọ giới trì trai, thường phụng sự ruộng bi (tu hạnh bố thí), cùng làm Đàn-việt thí xả.

Bành thành hầu Lưu Di Dân ở thời nhà Tấn (soạn Ngũ Thời Giáo trước thuật thơ Cửu Tởng). Dự Chương Thái Thú Lô Thứ Tông ở thời nhà Tấn (tâm tinh thuần kính mộ pháp, tạo dựng chùa Thê Linh). Lâm Hoài Lệnh Chu Tục Chi ở thời nhà Tấn (đượm phục đạo, ngày một mới). Tân Thái Hầu Tất Dĩnh Chi ở thời nhà Tấn (tâm mong cảnh tịnh). Nam Dương Trưởng Tông Bích Chi ở thời nhà Tấn (như việc khẩn khổ). Năm vị hiền trên đều tạ từ chức vị, chối bỏ vinh hoa, răn danh nơi thần phủ, theo Pháp sư Tuệ Viễn cùng vân du ngưng nghỉ, ý chí ẩn trầm, đồng đều

trái nhất tâm, đồng giã vào u cực, gá phù dung ở trung lưu, che Quỳnh Kha để vịnh lời, vụt bay mây khí nói tám cực, trầm ẩn gió hương suốt trăm năm, thể quên an để thêm lớn, tâm vượt vui để tự nhiên.

Thượng Thư Lệnh Hà Sung ở thời nhà Tấn (trung thuần giản chất); Thượng Thư Tả Bộc Xạ Trử Dục ở thời nhà Tấn (chí khí tiết tháo như sương băng); Thượng Thư Hữu Bộc Xạ Gia Cát Khôi ở thời nhà Tấn (giã đạo trình cố); Thượng Thư Phùng Hoài ở thời nhà Tấn (chẳng lánh thanh sắc); Thượng Thư Tạ Quảng ở thời nhà Tấn (ân lòng thành thật can gián ngay thẳng).

Từ ngày Hoàng Huyền Sư Bằng làm phụ chính, cùng thổi gió tà, ghét ganh chư Tăng chống kháng lễ bái, Hà Sung v.v... cùng năm bậc hiền trên đã cùng các nghị quan bác sĩ v.v... thiết lập bàn nghị rằng: “Tìm xét từ thời nhà Hán nhà Ngụy mãi đến thời nhà Tấn chẳng nghe bàn nghị khác. Hiến chương tôn ty, thể thức không tạm ngấm. Nay các Sa-môn dốc lòng giữ giới, mỗi lúc đốt hương chú nguyện, hẳn trước tiên vì nước nhà, muốn cầu phước gia hộ đó, lớn tình không cùng mà thôi, kính phụng Quân vương, tôn sùng hành thiện, xuất phát từ tự nhiên, giản đơn của lễ nghi bởi do gìn giữ pháp. Vì vậy, các bậc tiên hiền ngự trị nơi đời do đó mà chẳng đổi thay. Chỗ có nghĩa là nhân lợi đó mà ban huệ đó. Hiền ngu chẳng dám không dùng tình, trên có thí của trời che đất chở, dưới có người giữ một tu thiện, nên tuân theo việc cũ của Tiên đế, thêm bàn nghị lấy làm lâu dài”. Mọi người không ai chẳng chấp nhận thỏa đáng.

Quan Tư đồ Công Vương Mật ở thời nhà Tấn thấy nơi cửa chùa Đông Dịch bỗng có ánh sáng vàng rờn tỏa chiếu nơi đất, nhân đó đến đào bới có được một tôn tượng bằng vàng phát ra ánh sáng cao bảy thước, bền riêng xây dựng tinh xá trọn đời cúng dường. Lại cảm điềm lành hiển bày thật, nên tạo dựng chùa Đông An.

Ở thời nhà Tấn, có Hộ Quân Tướng Quân Vương Mặc, Hậu Tướng Quân Lưu Úc, Giang Châu Thứ Sử Sư Duyệt, Tầm Dương Thái Thú Nguyễn Khản, cả bốn bậc hiền này đều lập chùa tạo tượng, quy mạng Phật giáo.

Phụ Quốc Đại Tướng Quân Hà Vô Kỵ ở thời nhà Tấn (là người sùng tín nghiêm khắc trọn đời, tạo dựng chùa Chỉ Viên). Hà Vô Kỵ vì An Đế trở về phía Tây, Hoàng Vận vui hòa hưng thái, đạo tục đồng mừng, khắp xứ Giang Biểu đồng khởi xướng, khuyên An Đế mở mang Phật giáo, tu tạo công đức. Ung Châu Thứ Sử Khích Khôi ở thời nhà Tấn (Di-đà xuất du, tạo chùa Kim Tượng).

Võ Xương Thái Thú Đào Khản ở thời nhà Tấn, mỗi ngày đi đến Quảng châu, có ngư nhân ở trong biển thấy có ánh sáng vàng rờng tỏa chiếu, trải qua cả tuần càng lớn rộng, lấy làm quái lạ mới nói cùng Đào Khản. Đào Khản đến trông xem mới biết là tôn tượng của vua A-dục, bèn tiếp đưa đến Võ Xương tôn trí tại chùa Hàn Khê. Cảm động công đức ấy, mọi người xa gần đều phát tâm. Đó là do sức lực của Đào Khản vậy.

Đan Dương Duẩn Cao Khôi ở thời nhà Tấn (là người phụng tu phước đức, được cảm linh, tạo chùa Linh Ứng). Trong khoảng niên hiệu Hàm Hòa (326-335) thời Đông Tấn, Cao Khôi đến cầu Trương Hầu, trông thấy trong bến nước có ánh sáng năm sắc từ dưới nước vọt bay lên cao vài trượng, Cao Khôi bèn đến trông xem, mới được tôn tượng bằng vàng, không có tòa hoa đỡ mu chân, linh nhan hiếm có ở đời, người thợ tạo tác khác thường. Cao Khôi liền phát tâm khuyến dân chúng tu tạo công đức. Lại có Thanh Tín Sĩ Trương Kế Thế ở thời nhà Tấn, vốn chuyên sống bằng nghề chài lưới bắt cá, thấy trên nước có ánh sáng, đến xem mới thấy đó là tòa hoa đỡ mu chân tôn tượng Phật. Vua Giản Thành Đế (Tư Mã Diễn 326-343) thời Đông Tấn mới thỉnh đưa đến tôn trí nơi tôn tượng Cao Khôi có được trước kia, mà đều trông thấy như một, Trương Kế Thế bèn phát tâm bỏ nghề cũ, trọn ngày tinh cần, còn vua Giản Thành Đế hồi hướng, tin Phật oai linh. Lại có Thanh Tín Sĩ Đồng Tông Chi ở thời nhà Tấn là người sống nghề chài lưới bắt cá, thấy dưới đáy có ánh sáng, đến trông xem bèn được hào quang Phật, vua Giản Văn Đế (Tư Mã Dục 371-373) thời Đông Tấn mới đưa về an đặt sau lưng tôn tượng, uyển nhiên phù hợp. Nhân đó, ông ta dần hồi bỏ ác tu thiện, trọn đời hành đạo, tự biên tả kinh Đại Phẩm, mỗi tháng trì tụng một biến, suốt ba mươi năm chuyên ý với hạnh nghiệp.

Thái Thường Khanh Chu Ứng ở thời nhà Tấn đến cửa sông Hồ độc tại Hùng giang, cảm có được hai tôn tượng bằng đá trên nước mà lại. Vua Mẫn đế (Tư Mã Nghiệp 313-317) thời Tây Tấn nghinh thỉnh đến tôn thờ cúng dường tại chùa Thông Huyền. Chu Ứng bèn phó mạng với cầu pháp, lấy làm việc của chính mình.

Thường Thị Đái An Đạo ở thời nhà Tấn (là người học hạnh nghề tài ưu đạt, tạo dựng chùa Chiêu Ứng, tự tay khắc chạm năm tôn tượng giáp trừ đều có được tướng tốt không đâu sánh bằng, thường luôn nơi thân tỏa phóng ánh sáng)

Phủ Tỹ Lang Lý Thông ở thời nhà Tấn (là người giữ chí một lòng).
Bành Thành Hậu Hoàng Hân ở thời nhà Tấn (là người chí tín thuần hậu).

Thái Bộc Khanh Vương Tuân ở thời nhà Tấn (là người Khắc ý trọn đời, tạo dựng chùa Thạch Gian). Dự Chương Thái Thú Phạm Ninh ở thời nhà Tấn (là vị Đàn-việt xả thí không nhọc một, kết chí với Sa-môn Tuệ Trì, đến núi Hộc lãnh, tạo dựng chùa Thê Thiên). Thái Thường Ân Trọng Kham ở thời nhà Tấn (là người chí khắc chung, linh văn cảm ứng). Đông Hải Hà Thừa Thiên ở thời nhà Tấn (là người đọc thông nội ngoại, là bậc sư biểu Nghiêm Công). Trương Cung ở Ngô quận thời nhà Tấn (là người khấn thành kính phụng giới). Duyên Châu thứ sử Vương Cung ở thời nhà Tấn (là người khâm trọng các bậc thắng đức, phụng kính Sa-môn Tuệ Trì). Thừa Tướng Vương Đạo ở thời nhà Tấn (là người ngay thẳng mà không kinh thường). Thái Úy Sư Nguyên Quy ở thời nhà Tấn (là người thuần tánh không biến đổi). Đinh Úy Hoàn Mậu ở thời nhà Tấn (là người Đức kịp các loài hữu tình). Thái Thường Tạ Ấu Hưng ở thời nhà Tấn (là người hiển bày đức nhân, ẩn tàng hạnh dụng). Tạ Côn ở Trần Quận thời nhà Tấn (là người có phong thái ánh ngời trần tục). Quang Lục Chu Bá Nhân ở thời nhà Tấn (là người đặc đạt sống bên bờ, gió trong lành tự thổi). Trung Thừa Thích Siêu ở thời nhà Tấn (là người khâm hiền trọng pháp, gá ý nơi rừng sâu). Hữu Vệ Tướng Quân Trử Thúc Độ ở thời nhà Tấn (là người phong nhã, giúp khắp). Trưởng Quảng Thái Thú Lý Nghi ở thời nhà Tấn (là người thạc tính mền mại đạo). Thượng Thư Thái Nguyên Công Vương Mông ở thời nhà Tấn (là người nhân hậu cứu giúp đời). Ân Dung ở Trần quận thời nhà Tấn (là người anh tuấn hiếm ai sánh bằng). Thượng Thư Vệ Giới ở thời nhà Tấn (là người thuần nhã tuyệt luân). Tầm Dương Thứ sử Hoàng Y ở thời nhà Tấn (là người quên mình cứu vật, tạo dựng chùa Đông Lâm). Thị Trung Viên Ngạn Bá ở thời nhà Tấn (là người thanh phong thông khắp). Trần Dương Thái Thú Tạ An Thạch ở thời nhà Tấn (là người thần thái vận xa). Thượng Thư Ân Trọng Văn ở thời nhà Tấn (là người phong lưu nho nhã, kháng chí mây cao). Cố Kế Nội Sử Vương Hy Chi ở thời nhà Tấn (là người văn bút kinh tuyệt). Ích Châu Thứ Sử Mao Cừ ở thời nhà Tấn (là người dốc lòng kính mộ danh lễ, gá chí nơi Sa-môn Tuệ Trì).

Văn Học, Vương Hợp, Lưu Khôi, Ân Hạo, Hứa Tuân, Tôn Xước v.v... ở thời nhà Tấn, đều là những bậc lưu danh một đời, tỏa vang khắp ngàn dặm, học chẳng ngày bỏ trống. Lạc Đông biết đó bác văn, tay chẳng rời quyển, mọi người bên cạnh sợ đó thành bệnh, tiếng tăm anh tài vượt tục, hơi khí quá xa mọi người. Đến như Ngạn Bá trước thuật Hậu Hán Thư mừng vui tán thán Phật lý, xem xét văn nghĩa đúng là những người rất mực sùng đạo.

Thượng Thư Tông Kính ở thời nhà Tống (là người khẩn chí cảm người). Trung Thư Lệnh Thẩm Khánh ở thời nhà Tống (là người dốc thành động vật). Quang Lục Khanh Đái Ngung ở thời nhà Tống (là người khéo nghĩ thần thông, tự tay chế sửa tôn tượng bằng vàng cao trượng sáu, tướng tốt không đâu sánh bằng, về sau tỏa phóng ánh sáng). Tân Đình Hầu Lưu Thiệu ở thời nhà Tống (là người có chí nguyện thâm phù hợp). Từ Châu Thứ Sử Vương Trọng Đức ở thời nhà Tống (là người tinh thành cảm triết). Trung Thư Phạm Thái ở thời nhà Tống (là người bác vật huyền thông). Ngự Sử Vương Hoàng ở thời nhà Tống (là người thanh thông xa tục). Thị Trung Tư Không Chiêu Công Lưu Diển ở thời nhà Tống (là người mưu giúp vương thất). Thủy Hán Công Vương Khôi ở thời nhà Tống (là người kính trọng càng chí thành, giá chất nơi nghiêm sư). Nghi Đồng Tiêu Trung Hoạt ở thời nhà Tống (là người đệ tử hợp môn, nghiêm khắc mình kính hộ giới). Thượng Thư Tạ Trang ở thời nhà Tống (là người thông ngộ đặc đạt).

Ngự Sử Viên Mẫn Tôn ở thời nhà Tề (là người kính phụng giới không biếng lười). Lại Bộ Tạ Thiệu ở thời nhà Tề (là người duyên tình trùm đời, kính tín tuyệt luân).

Thái Úy Văn Trung Công Từ Hiếu Tự, và Thái Úy Văn Hiến Công Vương Kiệm ở thời nhà Tề. Hai ông này, Văn Trung có tài của Trụ Thạch, Văn Hiến ôm hoài lượng của Y Hoắc, kính luân trùm khắp, từ triều đình đến thôn dã đều chiêm ngưỡng, dốc tín rất lẫm với khách tốt lành. Thức ngộ mới đến Linh vận, Phật pháp tỏa sáng hiển bày thật nhờ từ người ấy.

Đặc Tấn Trương Thự ở thời nhà Tề (là người phát tâm chí lý). Trung Thư Lệnh Chu Ngung ở thời nhà Tề (là người giải huyền hơn đời). Thị Trung Tả Thượng Thư, Trung Thư Lệnh Thái Tử, Trung Thư Tử Quốc Tử Tế Tửu Trưng Quân Hà Dận ở thời nhà Tề là người vốn trải trung thành ẩn mật, phong lực đủ đầy, ôm trình khí của đuốc ngọc, ứng một thời kỳ của Đại hiền, học hết kinh sư, tâm ôm huyền áo. Nhạc của Hòa Thiên Biến Vũ, lễ của Hậu Thành Khúc Đài, luận của Yêm Trung Lăng Hạ, sách của Âu Dương Tiêu Tử. Dịch bổ kinh Triệu Phó Phân Hàn Sở, đều là Huấn thích, không gì chẳng gần, nghiệp sạch chất nghi, rộng đến thật trái lại, nhóm tụ đồ chúng dạy truyền, học sửa thành đoàn. Đến chùa Bát-nhã, tạo dựng cột trụ minh châu, quy hướng sâu sắc về dòng họ Thích, nhã thuần nội giáo, cột trụ minh châu tỏa phóng ánh sáng bảy ngày bảy đêm.

Thị Trung Thượng Thư Tả Bộc Xạ Trung Vệ Tướng Quân Đặc

Tấn Hữu Quang Lục Giản Túc Tử Từ Miễn ở thời nhà Lương là người ôn nhã sớm vang vọng, khuê chương hiển trước. Điển của Minh Đường Khúc Đài, sách của Tạ Hạ Hàn Ích, văn của Phong Khí Viêm Thụ, học của Yêm Trung Lãng Hạ, đạo của Long Cung Bán Châu, quyển của Thứu Sơn Hoa Thủy, không gì chẳng cùng nguồn hết sâu mầu, lần lượt vì lưu tâm.

Thị Trung Hộ Quân Tướng Quân Giản Tử Chu Xá ở thời nhà Lương là người nổi trội sớm thành, khuê chương phát từ thuở bé, không quản lao nhọc hỏi đạo của Mạnh Võ, khó nói kính khuyên, chẳng đợi nghi của Quý Khương, sự việc hiển bày nơi khuê đình, tiếng tăm lan tỏa khắp bang ấp, ký lục của chín phái trăm dân. Văn từ của sáu thi năm lễ, đều rộng thông cùng xưa trước, làm chuẩn cho đương thời. Thêm vì thọ trì Phật giới, hồi hướng dòng họ Thích, dứt tuyệt máu thịt tanh nồng kia, cam chịu rau quả đây. Nghiên cứu kim điệp của Long cung, hết cả ngọc chỉ của Học lâm, thường lấy thặng tập ở thành Tỳ-xá-ly, vì ngôn của nước Ma-kiệt-đề, bề sừng vạch má, riêng cao anh tài ở đương thời.

Thượng Thư Lệnh Thẩm Ước ở thời nhà Lương (là người văn uyển hàn lâm, riêng suy giang biểu, học làm khuôn phép cho đời, tài vượt anh tuấn ở đương thời). Thượng Thư Bộc Xạ Chu Di ở thời nhà Lương (là người giúp hợp Đế đạo, dựng lập pháp tràng). Thủy Hưng Lệnh Lục Hàm ở thời nhà Lương (là người bén nhạy xuất chúng, dốc tâm Chánh giác). Thị Trung Viên Sán ở thời nhà Lương (là người tiết tháo ngay thẳng, thường lập pháp Diên). Quốc Tử Tế Tửu Trương Sung ở thời nhà Lương (là người thạc học móc sâu, dốc chí huyền đạo). Thái Tử Thị Độc Vương Hoa ở thời nhà Lương (tuyệt hẳn ở đời không gặp). Đông Cung Thái Tử Thứ Tử Liễu Trưng ở thời nhà Lương (là người đàm huyền chẳng cùng). Trung Thư Lệnh Vương Tăng Nhu ở thời nhà Lương (là người học suốt huyền Nho). Trứ Tác Tiêu Tử Hiến ở thời nhà Lương (là người văn vẻ nội ngoại). Độ Chi Thượng Thư Tiêu Tử Khác ở thời nhà Lương (là người an tâm với huyền đạo). Bí Thư Giám Hà Kính Dung ở thời nhà Lương (là người chẳng rơi lạc luân thường). Lại Bộ Thượng Thư Tạ Cử ở thời nhà Lương (là người mặt chẻ tranh dài). Hành Quân Hạ Bộ Lưu Hiếu Cai ở thời nhà Lương (là người có rõ cần nước an, giãm huyền phong của Linh vận). Hoàng Môn Trần Bá Chi ở thời nhà Lương (là người tin mà khéo thích xưa cũ). Trung Thứ Tử Khổng Hưu Nguyên ở thời nhà Lương (là người lập thân trung chánh, thực hành ở chính mình thanh kính).

Trung Thứ Tử Bình Tây An Bắc Nhung Chiêu Tướng Quân Tướng

Dương Lệnh Lưu Tuân ở thời nhà Lương là người nghi biểu ôn nhuận, dáng mạo phong thái sáng rỡ, rảo bước lửa sáng, lâu sau mà khả kính, khéo léo của cỏ lá mọc bạc, kham treo trong trướng, kỳ đặc của văn rùa vết chim, tin đặt trên đài.

Thiên Quan Thượng Thư Lưu Hiếu Xước ở thời nhà Lương (là người thanh danh hơn đời). Tương Châu Thái Thú Liễu Tân ở thời nhà Lương (là người thề bỏ trăm đai, sùng huyền giãm đạo). Văn học Vương Nguyên Tường ở thời nhà Lương (là người tuấn khí không ai vượt trước). Lĩnh Quân Tướng Quân Lưu Hiếu Nghi ở thời nhà Lương (là người vốn trải trung thành kính mật, xa kính sùng đạo xuất thế). Tả Thừa Trương Lăng ở thời nhà Lương (là người thức chân suốt lý). Ninh Man Trương Sứ Từ Cầm ở thời nhà Lương (là người phong nhã nhàn đạm, thanh biện nhập thần).

Trung Thư Nhan Chi Suy ở thời nhà Lương (là người cung kiệm dốc tin). Thị Trung Trung Thứ Ôn Tử Vương Huấn ở thời nhà Lương (là người thần dụng vận sáng, phong nghi nhàn tuấn, ra trung vào hiếu, đồng nghĩa chuộng liêm, bí tố đều gân, lưu lược cả thủy đó).

Tán Kỵ Thường Thị Chương Hầu Vương Quy ở thời nhà Lương (là người Vũ nghi của triều đình, kỷ tử của Hiên miếu, ngang ngang tiến tới sau, bày giải thạch, thuần nhã lai nghi, vén áo ngựa vàng).

Phó Đại Sĩ ở chùa Đông Lâm tại huyện Điều dương quận Đông dương, thời nhà Lương, là người thường chuyển pháp luân, tiếp nối lớn mạnh tôn vị, phân thân thế giới cứu độ quần sinh. Hoặc ở nơi khoảng ức ngực chột bày sắc màu vàng ròng, hoặc trong nắm tay có lúc tuôn nhã hương thơm khác lạ. Hoặc hiện thân tướng cao hơn cả trượng, tay dài quá gối, chân dài hai thước, ngón dài năm tấc, hai mắt rành rẽ, trông người sáng rực, dáng mạo đoan nghiêm có tướng đại nhân. Sai sứ mang thư đến tặng vua Lương Võ Đế (Tiêu Diển 502-550) thời Nam Lương, viết rằng: “Dưới cây song lâm tương lai sẽ giải thoát, Đại sĩ Thiện Huệ bạch cùng Bồ-tát Quốc Chủ cứu đời, nay tu thiện thượng trung hạ, hiếm có thể thọ trì. Trong đó thiện bậc thượng, lược lấy lòng rộng làm gốc, chẳng chấp trước làm tông, quên tướng làm nhân, Niết-bàn làm quả. Thiện bậc trung lược lấy trị thân làm gốc, trị nước làm tông, trên trời và nhân gian, quả báo an lạc. Thiện bậc hạ lược lấy bảo hộ nuôi dưỡng chúng sinh”. Vua Võ Đế bèn thỉnh mời đến ở chùa Định Lâm dưới Chung sơn, ngồi dưới bóng râm của tùng cao, nằm tựa đá tảng, trong Tứ triệt thường giọt cam lồ, suốt sáu tuần thường mưa hoa trời. Vua Võ Đế ở trong điện Trùng Vân tại vườn Hoa lâm khai đề kinh Bát-nhã,

riêng thiết bày một chiếc giường, cùng thiên chỉ đáp đối xiển bày. Đến lúc kiệu ngọc lên điện, an nhiên ngồi sà. Hiến Tư dèm pha hỏi, Đại sĩ chỉ nói: “Pháp địa nếu động thì hết thủy chẳng an”. Vả lại, biết thời vận nhà Lương sắp hết, muốn thương xót cứu giúp binh tai, mới đốt cánh tay làm đèn, mong đảo trừ họa đến. Đến mùa hạ năm Thái Kiến thứ nhất (569) thời nhà Trần, nghiêng phía hữu mà nằm, an nhiên nhập Niết-bàn. Bố thí đang lúc nắng nóng, mà thân mình vẫn ấm nóng không khác, sắc dáng tự nhiên, hình thể càng đẹp sạch, hơi thơm xông khắp, co duỗi như thường. Mọi người trông xem đều đồng phát tâm, ngợi khen chưa từng có vậy.

Thượng Thư Hữu Bộc Xạ Chương Hầu Từ Lăng ở thời nhà Trần (là người văn chương suốt tuyệt, kính tin hiếm ai bằng, chú tạo vạn tôn tượng, biên tả một tạng kinh điển). Thiếu Bảo Thượng Thư Bộc Xạ Viên Hiến ở thời nhà Trần (là người trung tiết hiếm ai bằng, dốc tin chẳng ai hơn, đến chùa Định Lâm tạo mười tôn tượng bằng giáp trừ). Thượng Thư Bộc Xạ Giang Tổng ở thời nhà Trần (là người duyên tình nổi trội, hình ở đời trước. Đến ở khuôn sơn, tạo tôn tượng Di-lặc cao tám mươi thước, biên tả một tạng hết thủy kinh gồm ba ngàn bảy trăm năm mươi hai (3.752) quyển). Lại Bộ Thượng Thư Đình Úy Khanh Mao Gia ở thời nhà Trần (là người chí tiết cao vội, nhân hậu đều tỏa sáng. Biên vận hai vua, học sánh ba cổ, tự thân cầm bút biên tả kinh Duy-ma, Tử Vân ở thời nhà Lương chẳng thể thêm đó vậy). Đông Cung Xá Nhân Phó Tế (là người học sánh Vương Trinh, tài so tạc lục, thông sâu Tam giáo, diệu giải Nhất thừa, nổi trội hơn mọi người, trong nước nhà đều kính bái).

Những vị nêu dẫn trên đây đều có kỷ lục đầy đủ trong sử sách, chẳng lại phải thêm lời. Đến như Tạ Phi, Tạ Lãm, xả bỏ sự sống thì chỉ còn lại nghĩa; Liễu Khảng, Liễu Khôi suy công chẳng có; Giang Yêm, Nhâm Phưởng chung thủy thích nghi thay. Lưu Tra, Cố Hiệp trước thuật rất mực khéo giỏi. Thận mật như Trương Hoàng Sách, phỉ giải như Lã Tăng Trân. Trịnh Siêu Thúc trung thành, Vương Nghiệp Tiêu đỉnh trụ. Đầu ngực nghĩa cử đều là quý báu của đời, ước lại thông nhà, đều là đại Nho của một thời đại, thật là tên tuổi vang khắp bốn biển, đều tích chứa mưu lược Kinh Quốc, đồng xứng môn quân tử. Xả tắc do đó mới an, trên dưới nhờ đó mới hòa, có văn có võ, giúp đời giúp nhà. Người nêu công chín hợp, đều dựng nghiệp ngàn năm. Không ai chẳng gieo cả năm vốc kính lễ tam tôn của chúng ta, nhấn nhục từ bi, tha thứ mình, suy mến vật. Trông nhìn đen vàng đó như mộng, nghe chuông trống đó như điếc,

xem thường thuốc ngọc mà mền quý mảnh lời, xả bỏ tóc da mà cầu nửa bài kệ, mông bút từng hết chẳng thể ghi cả sở hành đó, đuổi giấy nhọc cùng chưa thể trình bày tất cả ích lợi đó. Ở đây chỉ nêu bày một số rất ít để nghiên cứu mà nói.

Ở đời Thục, Trần, Tùy quý các hàng sĩ nữ nơi xóm làng, anh tài ở đương thời. Cửa cao liền với cổng lớn, nền lớn tiếp nối thêm rộng. Hoàng thân nơi thích lý, nhà giàu có ở Đế Kinh, đông đúc mền mộ đạo, mỗi mỗi giảng bày kinh, miệng đọc tụng lời vàng, tay mở pho quyển ngọc, số đó thật đông nhiều, như cỏ cây nương gá đất liền, gập gờ hạng đó như lớp vảy chìm lắng dưới sông dài. Đến như nông phu nhà trồng, người già miền quê không tên tuổi, mền mông biết mong hưởng đến; hàng tuổi trẻ phát tín tâm đông nhiều không thể xưng kể, sao có thể ghi nhớ nổi! Do đó, phước hỗ giúp bốn loài quần sinh, vui mừng đỡ trợ ba đời, đáng nhân thỏa thứ đến con đến cháu, hay thực hành đức ấy, không ai chẳng đến vậy.

Vua Thái Tổ Đạo Võ Hoàng Đế (Phác Bạt Quế 386-409) ở thời Bắc Ngụy, đang lúc vận chung tan loạn, nước nhà rối ren suy sụp, muôn dân chẳng thấy lễ vật hiến dâng, dân chúng ở đương thời chỉ thấy dấu vết của chó ngựa. Lễ nhạc, văn chương, quét đất gần hết. Thái Tổ mới dùng dáng sâu hùng kiệt, ôm nhã lượng của bậc Đại vương, chỉnh định bình yên từ triều đình đến thôn dã, bao gồm Trung châu, mở lớn Long quang, ngầm trùm sử dùng thường ngày. Năm Thiên Hưng thứ nhất (398) thời Bắc Ngụy, mới ban sắc chiếu rằng: “Hưng khởi của Phật giáo từ xưa lại hiện còn vậy”, nên ở nơi kinh ấp tạo dựng nghiêm sức dung nghi, tu sửa chỉnh trang chùa viện. Lại đến đất của Ngô Quắc, xây dựng ngôi Phù đồ mười lăm tầng. Tạo lập chùa và chùa Định Quốc, biên tả hết thủy kinh, chú đúc ngàn tôn tượng bằng vàng, thỉnh ba trăm danh tăng, mỗi tháng thỉnh nhóm giảng pháp một lần.

Vua Thái Tông Minh Nguyên Hoàng đế (409-428 Thác Bạt Tự) thời Bắc Ngụy, là người thông minh mẫn duệ khoan nhã, trái lễ không nói, xót thương nghĩ nhớ bốn loài quần sinh, kính trọng Tam bảo, bèn ở tại Nghiệp Hạ hỗ trợ độ Tăng Ni đông nhiều.

Vua Thế Tổ Thái Võ Hoàng đế (Thác Bạt Đào 428-452) thời Bắc Ngụy, là người khí khái tỏa trùm ở đương thời, oai phong chấn động cả thiên hạ. Hợp thể bốn biển, chậu lòng muôn nước, hồi hưởng Nhất thừa, quy y Tam bảo, làm lại thẳng địa già lam, tạo dựng tịnh cung Chiêu đề, bèn ở Nghiệp Thành tạo chùa Sùng Chánh, lại nhân Thôi Hạo sàm tấu mới phá diệt Phật pháp.

Vua Cao Tông Văn Thành Hoàng đế (Thác Bạt Duệ 452-466) thời Bắc Ngụy, là người thông đạt đỉnh ngộ, phong cách khác thường, trung hưng Phật giáo, tu sửa chùa vũ, Phật giáo lan tràn rộng khắp trở lại bắt đầu từ vua Văn Thành Đế, độ Tăng Ni có ba mươi ngàn (30.000) vị.

Vua Hiến Tổ Hiến Văn Hoàng đế (Thác Bạt Hoàng 466-471) thời Bắc Ngụy, là người đức hợp trời kia, đạo gần cực Thánh, tạo dựng chùa Chiêu Ân, thỉnh mời chư Tăng tọa thiền.

Vua Cao Tổ Hiếu Văn Hoàng đế (Thác Bạt Hoàng 471-500) thời Bắc Ngụy, là người có thần quang soi sáng phòng nhà hòa khí sung đầy sân cửa, nhân hiếu thư thả cao vợi hiển bày, nghe xét chánh sự, theo thiện như dòng chảy, thương chuộng trăm dân, thường nghĩ cứu giúp làm điều lợi ích. Nhân ngày húy kỵ Thái hậu, khóc ở bên tả mộ, bỏ ăn hai ngày, khóc không ngưng tiếng. Bền ở tại Nghiệp đô, tạo dựng chùa An Dưỡng. Các bậc cao Tăng thạc đức từ bốn phương nhóm tập, thị nữ ở sáu cung mỗi năm đều hành trì ba tháng chay trường và mỗi tháng có sáu ngày trai. Với những người tinh tấn đọc tụng kinh điển, đều độ cho xuất gia; với việc chẳng kể lớn nhỏ đều chuyên vì gấp giúp. Thường bảo các sứ quan không kiêng sợ nước xấu ác. Tay không rời quyển kinh, đọc xem đó rồi bền giảng, mến quý các kẻ sĩ kỳ đặc, hay khéo tỏ tình như đói khát, khéo đàm nói về Lão Trang, rất dốc lòng với nghĩa lý kinh Phật, tài năng văn vẻ đủ đầy, văn chương có cả trăm thiên, chợt nhiên xa vợi, chẳng vì việc đời mà phòng ngại đạo. Từ bé nhỏ tiếp nối giềng mối lớn, sớm hiển bày phong thái Duệ thánh, đến lúc dùng văn minh tiếp việc ưu du, khoan xong huyền lẫm, riêng được hiểu biết, tự chẳng nói Thần khế hợp, chỗ nêu hẳn phù hợp với minh hóa. Đến lúc tự thân nắm giữ Đại chính, mỗi ngày có muôn cơ, suốt thời gian mười năm chẳng từng bỏ trông cung cấp, khâm chuộng sáng tỏ, kiểm xét theo xưa hợp ngự trị trời người. Đế vương chế tác, pháp độ của triều đình và thôn dã, khám chước lấy bỏ, sáng rực văn chương, nhưng mà tận Thánh cùng Hiền, tiếp trời nối lịch. Kính vì Tiên Hoàng, đến chùa Đại Giác tu sửa dựng xây phòng nhà, cúng thí nông hậu, cung cấp đủ đầy. Ảnh tháp kinh đài, sáng rực khắp cả. Trên nêu chùa vàng, dưới bày cột bạc, nhận liệng như mây, đầu rồng tiếp mặt nhật, danh tăng tiếp gót, bạn đạo kê vai. Sớm rảo bước ao sen, tối nường nghỉ gác hương, phong lưu vườn tuệ, phạm hưởng rừng thiền. Thỉnh mời ba trăm vị Tăng ngày đêm sáu thời đọc tụng kinh pháp không ngưng nghỉ. Độ các hàng Tăng Ni cả thảy mười bốn ngàn (14.000) vị.

Vua Thế Tông Tuyên Võ Hoàng đế (Nguyên Khác 500-516) thời

Bắc Ngụy, là người ở điện Càn Thức, vì chư Tăng và triều thần mà giảng kinh Duy-ma, mừng vui không lộ bày nơi vẻ mặt, cao nhân mến thích kinh sử, rất khéo giỏi nghĩa lý kinh Phật. Khéo phong nghi, đẹp dung mạo, đức hạnh phong cách âm dương, sáng đồng như nhật nguyệt, truyền bá văn giáo vì nghĩ nhớ người xa; điều hòa lễ nhạc, vì phô bày tuần đạt. Đến nơi đất ba sông, sáu quận, giữa khu vực của Kinh Vị Bá Sản, tạo dựng bốn ngôi chùa như chùa Phổ Thông, chùa Đại Định v.v... cúng dường ngàn vị Tăng tinh thông tam học.

Vua Túc Tông Hiếu Minh Hoàng đế (Nguyên Hư 516-528) thời Bắc Ngụy, là người được một trình thuần, thể hai lân cực, gồm ba thừa rong ruổi, đến ngã tư đường thông mà rong bước. Bền ở ngay Nghiệp Hạ tạo dựng chùa Đại Giác, yếu diệu phòng cong, sâm sai nhiều lớp điện, gió rút ra cửa nẻo ấy, mây ráng nổi trên mái nóc, kê vai thấy tướng cây gỗ quý hiếm xa dài, bên cạnh trông nhìn cỏ lạ. Đó tựa như đất vàng của Tu Đạt xưa trước rất được tương đồng, vườn trúc Ca-lan còn khó sánh phỏng.

Vua Kính Tông Hiếu Trang Hoàng đế (Nguyên Tử Du 528-530) thời Bắc Ngụy, là người phong thần ưu tú vời xa, dáng mạo kỳ vĩ, vốn trải trung trinh, sớm xứng muôn dân trông ngóng, tạo dựng năm ngôi tinh xá, khắc chạm vạn tôn tượng bằng đá.

Vua Hiếu Võ Hoàng đế (Nguyên Tu 531-534) thời Bắc Ngụy, là người khéo thấu cùng số thuật, kiêm thông rành võ nghệ. Gồm tất cả yếu chỉ lên chân, khâm chuộng huyền du xuất thế. Năm Vĩnh Hy thứ nhất (532) thời Bắc Ngụy, đến Trường an tạo dựng chùa Trắc Dĩ, cúng dường hai trăm vị danh Tăng, quanh năm giảng tụng, không ngày nào tạm phế bỏ.

Vua Văn Hoàng đế (Nguyên Báo Cự 535-552) thời Tây Ngụy, là người lập đức lập nhân, xứng văn xứng võ, thường hành tín xả, luôn vận từ bi. Năm Đại Thống thứ nhất (535) thời Tây Ngụy, tạo dựng chùa Bát-nhã cứu giúp người cô quạnh già suy, cùng cấp chư Tăng cảm mắc bệnh; miệng chuyên đọc tụng kinh Pháp Hoa, thân nghiêm trì tịnh giới. Xây dựng điện Thất Giác, làm phòng nhà Tứ thiên, cúng dường không ngưng nghỉ, cúng thí nhẫn nhục chẳng cùng.

Vua Hiếu Tĩnh Hoàng đế (Nguyên Thiện Hiện 534-550) thời Đông Ngụy.

Như trên, ở thời Nguyên Ngụy, mở đầu ứng với điềm lành đế vương xa hợp minh phù, mừng vui nhóm tập đời thọ, thần soi chiếu như nước, chín vườn nhân trùm khắp, bốn biển thêm sai, tiếp nối giềng mối

tốt tươi của Tam Hoàng, bao gồm dấu vết huy hoàng của Ngũ Đế. Vua Cao Tổ dùng Thánh ẩn ngự trời, dời kinh đô định đảnh. Vua Thế Tông dùng thông mẫn tiếp thừa sự nghiệp, mở mang bình an âu hạ. Tiếp nối cơ nghiệp của nhiều Thánh, vốn nghiệp phép trời, thử quán xét muôn tượng càn khôn cúi hợp mưu người, xa tuân theo thể thức xưa cũ, rất biết thời sự, xét vết rùa tiếp nối tốt lành, dời vườn nhà Chương phủ, xướng lại lịch bấu, khắc dựng nền tảng lớn. Thánh đức lại tỏa sáng, kịp đến chín đời mới thọ chung. Vua Văn Tổ vận chung ở đời vua Tĩnh Đế.

Ở thời Nguyên Ngụy có cả thảy mười bảy đời vua với thời gian một trăm bảy mươi năm (386-556), khắp nước nhà tạo dựng bốn mươi bảy ngôi chùa lớn. Lại ở đời Bắc Ngụy thường an trị Tây, bên cạnh đó, mỗi phía trên dưới hơn ba mươi dặm, khắc đá đặt khám, khắp bày tôn tượng Phật, tính chẳng thể hết, trang nghiêm rộng xem, đến nay vẫn hiện còn, tuy từng trải qua gặp phải hủy diệt giáo pháp, khám ấy vẫn chẳng hư hoại. Các hàng Vương công quý thất, Vương hầu ngũ đẳng v.v... xây dựng tám trăm ba mươi chín ngôi chùa, trăm dân xây dựng hơn ba vạn ngôi chùa. Độ Tăng Ni có hai trăm vạn vị, có mười chín vị phiên dịch kinh, được bốn mươi chín bộ.

Vua Cao Tổ Văn Tuyên Hoàng đế (Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề, giáng linh đến ngày, duỗi mừng vui trông nhìn mây, Hà Đồ mang chữ, nghiệm trình phù của Đế lục, ở ngoài biển đoán gió, biết trong nước có Thánh nhân. Chín mục đến cống hiến, tâm thần đều trật tự, quý đạo chuộng đức, ẩn tàng dụng hiển bày đức, hoặc vượt ra hoặc ở. Chẳng phải chỗ lường tiểu tiết, chột trí chột ngu, nên chỗ soi xét của Đại nhân. Đến như hoàng thông tượng pháp, trang nghiêm đất vàng, có đến cạn sâu đều đến cửa Niết-bàn, đất tùy dơ sạch đều ngang bằng sắc màu lưu ly. Đến như bể đẹp kiều mạn, không như chính chiến ở Đan thủy; nhàm lìa ràng buộc, khác lễ của Chiêu hoa. Do đó, chuẩn đích Năng Nhân, tan nát chúng ma Ba-tuần, hiến chương Đại giác, xem nhẹ tôn quý của Luân vương. Hẳn là đại quyền ứng vật, thế nguyện rộng lớn làm ích lợi quần sinh ấy vậy. Khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (550) thời Bắc Tề, thỉnh mời Thiên sư Điều, cầu xin thọ giới Bồ-tát. Từ đó, lại đoạn thịt cấm rượu, phóng thả chim săn, dẹp quan chà lưới, lại dứt đoạn giết mổ trong thiên hạ. Mỗi tháng trì sáu ngày trai, mỗi năm có ba tháng chay trường, khuyên dân lành trì trai giới. Vườn của các quan và rau quả tanh nồng bất kể của công hay tư khắp cả sáu phường đều phá dẹp, bên ngoài nếu có thì không cho đưa vào. Phát động xây dựng chùa tháp, độ Tăng Ni ở khắp các châu. Lại thỉnh mời các Sa-môn Chiêu

Huyền Đại Thống Pháp Thượng làm Giới sư, từng trải tóc nơi đất để Giới sư giẫm bước qua. Năm Thiên Bảo thứ hai (551) thời Bắc Tề, vua ban sắc chiếu rằng: “Kính ngưỡng chỉ Từ Minh gìn giữ an ổn bốn biển, đức hạnh muốn báo đáp thì nương nhờ Đấng Đại giác. Các loài chim muôn thượng sinh nên thả phóng vào núi rừng. Lấy chỗ đất này vì Thái hoàng Thái hậu, xây dựng tháp Thủy Bảo, bỏ các thầy nuôi luyện chim săn, xây dựng chùa Báo Đức”. Độ Tăng Ni hơn tám ngàn vị chỉ trong mười năm, Phật pháp đại thịnh.

Vua Túc Tông Hiếu Chiêu Hoàng đế (Cao Diển 560-561) thời Bắc Tề, là người tiếp nối chứng cứ chốt điện, kế thừa mừng vui Sao Mống, tỏa sáng trùm khắp ngoài bốn phương, hợp thuận ba thân, thể đạo ở nơi tôn quý, hiển bày đức nhân làm Thánh, sùng phụng chí giáo, tình gá huyền môn, pháp luân nước Ba-la-nại, giảng thuyết vườn Lâm-tỳ-ni. Yếu chỉ của Tứ đế, Bát chánh đạo, giải thuyên của Ngũ thừa thập hạnh, sức lớn Hương sơn tạm ngày khó thắng, trong ngoài hết da, còn nói chứa khắp, tùy hạnh nghiệp thế gian, ứng hoằng thệ của quần sinh. Kính vì Tiên hoàng biên tả hết thủy kinh gồm mười hai tạng, có cả thủy ba mươi tám ngàn không trăm bốn bảy (38.047) quyển. Đầu xanh giải tía, dây bạc tơ vàng, dùng màn hoa sen để che, lấy tòa sư tử để đỡ, văn cùng nhật nguyệt đồng cao, công gần như tạo hóa đồng rộng. Độ các Tăng Ni có ba ngàn (3.000) vị.

Vua Thế Tổ Võ Thành Hoàng đế (561-565) thời Bắc Tề, là người rộng cứu tế quần sinh, ứng vân du cõi Phật. Trong vườn Phương lâm, lại dấy khởi ngôn từ hoa lọng; bên cạnh thành Lạc Ấp, lại quán quanh bài tụng ấn thư. Ở tầng đài Biệt Quán đều xây dựng già lam, ngọc bích châu cơ đều sung làm vật cúng thí. Tự thân đảm lễ, thường chuyên kinh hành. Năm Thái Ninh thứ nhất (561) thời Bắc Tề, xây dựng tháp Doanh Bảo, cõi bỏ ngự phục trân quý đều đốt làm của cúng thí, trì tụng kinh Đại Phẩm cứ mỗi tháng vài biến.

Như trên, ở thời Bắc Tề, dòng họ Cao có sáu đời vua với thời gian hai mươi tám năm (550-578). Hoàng gia dựng lập bốn mươi ba ngôi chùa. Có sáu vị phiên dịch kinh được mười bốn bộ.

Vua Hiếu Mẫn Hoàng đế (Vũ Văn Giác (557-557) thời Bắc Chu, là người thông mẫn nghiên cơ, suốt rành xa rộng, trời tung thần võ, dân quy hướng ngục tụng. Nắm kiếng vàng mà ở ngôi vị tôn quý, ngang bằng ngọc hành để dựng xây nước nhà. Gặp thời tao loạn giết chóc, đời lấm mây sấm, đất quất hết lưỡi, mặt nhật bít che ánh sáng, vương vít xoay chín phục, chấn động kinh hãi trăm sinh linh. Thế rồi tượng vi lại

lập chương, chốt cung thất buộc lại, chỉ mẫn duệ làm Thánh, biết cơ gọi là Thần. Năm thứ nhất của thời Bắc Chu (557), hoàng thông tượng hóa, các bậc danh đức trong nước nhà, kính mộ nghĩa, quy hướng nhân, rộng mở cửa giải thoát, rộng thông đường Bồ-đề. Muốn khiến trời thấu cùng hữu đảnh che phủ mây từ, đất hết không ngần mé đều đượm nhuần tuệ nhật.

Vua Hiếu Minh Hoàng đế (Võ Văn Dục 557-561) thời Bắc Chu, là bậc Quân vương đến muôn nước, bình yên tỏ rõ trăm dân. Trong thân gần chín tộc, ngoài an hòa bốn cửa, phong bút ngọc quỳnh của giới khâu, quán xem gấm ngọc của đồ sơn. Cho đến gốc lành, liệt bút bày tích, các quan năm tướng mười hành đều biết đường quy y, ngoài quán trong giác, đồng lên cửa giải thoát. Thế giới có ngần mé, thế nguyện không cùng tận. Hai năm, vì Tiên hoàng kính tạo một tôn tượng Lô-xá-na thù dật thành và hai vị Bồ-tát, cao hai trượng sáu thước; mười hai tôn tượng bằng gỗ chiên đàn ngang bằng thân mình, mỗi mỗi đều có hai vị Bồ-tát và Kim cang sư tử v.v... điểm lệ như trời tạo thành, tuyệt diệu đồng như thần chế tác.

Vua Thái Tổ Văn Hoàng đế (?), là người thông minh ẩn tàng trí, nổi trội tiếp nối thể thức, bốn cửa xứng an hòa, trăm vua đều tương tự, trên giáng báo tốt, dưới hợp tinh tường. Ở tại Trường an tạo dựng sáu ngôi chùa như Truy Viễn, Trắc Dĩ, Đại Thừa, Ngụy Quốc, An Định, Trung Hưng v.v..., độ ngàn vị tăng. Cúng dường Pháp sư Vĩ và đệ tử có hơn bảy mươi vị, cúng dường Quốc sư Thiền sư Thật. Lại đến nơi mộ Thiền sư Thật, tạo dựng chùa Phước Điền, lại vì Đại Khả Hản Y Ni, tạo dựng chùa Đột Quyết.

Vua Cao Tổ Võ Hoàng đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu, là người ứng kỳ ngự biện, nắm kiếng cưỡi trời, Huấn hợp lòng trên dưới, Tắc của kinh trời nghĩa đất. Năm vĩ khác phương thì dùng kế trời để ngự trị, bốn hướng mất chốt thì dùng trục đất để kéo giúp. Dời phong đổi tục, an nước trị dân. Đạo trùm khắp cửa chấn, sáng rõ hoa bay ngọc ban thuấn, công mở điện đường, thông sông giáng ngọc khuê tích võ, núi ngôi giao linh, trong ngoài yên phúc. Văn Võ thành thứ hai (560) ở thời vua Hiếu Minh Đế (557-561) vì Văn Hoàng đế (?) mà tạo tôn tượng Đức Phật Thích-ca bằng gốm cao một trượng sáu thước, và Bồ-tát Thánh tăng, Kim cang sư tử bao quanh tháp báu gồm hai trăm hai mươi tượng, không gì chẳng là vân đồ long khí, bồng chốc thành khéo léo của tổ chức, rưới nước sông, chẳng gá chế của tháo dao. Chiếu Tịnh độ ở Thần quang, mở Hóa Phật ở Viên ảnh, bèn ở tại Kinh đô tạo dựng

ba ngôi chùa Ninh Quốc, Hội Xương, Vĩnh Ninh v.v... Các bay đạp đài của Trung Thiên, cửa lớp giã quán của Liệt Tiên, tui mây, cột vẽ, trụ họa, rường vân. Phòng hạ cửa thư, ao sen vườn mít, nơi nơi tinh khiết, mỗi mỗi đều anh hoa. Người thấy quên cả trở về, người trông nhìn lóa mắt. Độ Tăng Ni có một ngàn tám trăm (1.800) vị, biên tả kinh luận có hơn một ngàn bảy trăm (1.700) bộ. Về sau, gặp Trương Tân sàm tấu mới làm điều bất thiện.

Vua Hiếu Tuyên Hoàng đế (Võ Văn Huân 579-579) là người làm sáng ngời lại Phật nhật, sau quang rạng vượt hơn trước, tạo hơn vạn tôn tượng họa ở nơi bốn khám, biên tả ba ngàn (3.000) bộ kinh Bát-nhã, mỗi tháng sáu ngày trai chưởng bỏ sót, tám giới không lạm hủy, trọn đêm đến sáng kinh hành tụng niệm, lập bốn nguyện lớn, chí ở Bồ-đề.

Như trên, ở thời Bắc Chu, dòng họ Võ Văn có năm đời vua với thời gian hai mươi lăm năm (557-581), xây dựng được chín trăm ba mươi một ngôi chùa. Có bốn vị phiên dịch kinh điển được mười sáu bộ.

Vua Cao Tổ Văn Hoàng đế (Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy, là người ứng vận ngàn năm, đáng là kế thừa của trăm vua, Huyền đức thông với Thần minh, chí công bao gồm tạo hóa. Mới đầu tiếp nhượng chưa động hung y, ngay buổi lạc suy đều sáng ngời thứ tích. Từ đó, nắm ngọc quý mà vận càn tượng, giã văn minh mà ngang bằng đầu cực. Nghiệp của đường trời lười đất, lại tỏa sáng tử vi. Dáng dấp nhân thành Thánh minh, liền hoa nhật nguyệt; chí đức trùm khắp người quý, thần hóa hợp cùng âm dương. Oai phong chấn động chín lớp vây quanh, mưa móc đượm nhuần bốn biển, tiếp nối giếng mới tốt tươi của Tam hoàng, bao gồm dấu vết sáng lạng của Ngũ đế, văn cảnh Thành Thang chẳng thể kịp vậy. Nên có rùa đen, chim tước đỏ, nai quý, rồng lành đều đông đúc nơi sông ngòi, đồng đến ở vườn lan, đến như sô ngô ở Thái bình, giáng kỳ lân ở Phú xương, đông cá Điệp, tây chim Kiêm lẫn lộn nơi thượng uyển, quạ đỏ phụng xanh sáng rực rừng hoa. Điện khuyết sản sinh cỏ linh, trụ tảng hoàn thành ngọc đẹp, đá nổ chữ kỳ lạ, núi phát tiếng tốt lành, cam lồ rơi lễ, suối vọt muôn sao, lấp lánh giếng nổi, cỏ châu mọc rậm, mầm tốt tươi đều xinh đẹp, người què có thể bước, người câm có thể nói. Từ đượm chín bờ, đượm nhuần tám biển, trừ sáng để hợp biến qua kế tối để biết nắm lại là Thánh là Thần, lăm tài lăm nghề. Chính sách của vô vi, xa tiếp nối lìa liền; phong của hữu đạo, thật sánh cùng Viêm Hạo. Nghe nghĩ dứt tụng sánh phòng ốc có thể ngăn bít, hoàng hộ ở tâm, dẫn dắt niệm rường cột Tam bảo mang đội quần sinh.

Năm Khai Hoàng thứ ba (583) thời nhà Tùy, ban sắc chiếu rằng:

“Trăm khâm trọng kính sùng Thánh giáo, nghĩ còn Thần vũ. Các chùa viện ở thời nhà Chu phá hủy đều nên tu sửa lại”. Kinh Triệu Thái Thú Tô Oai vâng phụng sắc chiếu, nên ở trong kinh thành chọn chỗ đất hình thế ưu thắng, an đặt Già làm. Từ đó khắp trong kinh thành chẳng kể mọi nơi rộng hẹp mà có chư tăng giẫm trải qua đều hứa thuận xây dựng chùa và đều được tên công.

Xưa kia, tháng sáu năm quý sửu, tức năm Đại Thống thứ bảy(1) thời Hậu (Tây) Ngụy, vua Cao Tổ sinh tại phòng Thần Ni ở chùa Bát-nhã tại Đồng Châu. Bấy giờ, chánh khí minh phù, sáng đỏ đầy phòng nhà, ngói tràn ngoài cửa, lửa tía xung trời. Mọi người trông thấy trong đó thấy đều kinh dị, cùng nhau cấm ước, không để người ngoài nghe biết. Sau đó ba ngày, hơi khí sắc tía tràn đầy cả sân, người vật ở trong đó đều thành sắc tía. Bốn phía trông thấy hơi khí ấy tợ lọng xoay, hoặc tợ như lâu cao. Lại có cảnh phong cam lồ, hợp đầu liền cành, ao nở hoa lạ, rừng sinh trái kỳ, trùng độc ẩn mất, chim cành bay liệng hót, bèn được Thần Ni giữ gìn bảo dưỡng. Đến lúc lên ngôi vị lớn bèn nhớ nơi ở xưa, nên năm Khai Hoàng thứ bốn (584) thời nhà Tùy, vua Kính vì Thái Tổ Võ Nguyên Hoàng đế và Nguyên Minh Hoàng Thái hậu, dùng nền móng xưa cũ của chùa Bát-nhã mà xây dựng chùa Đại Hưng Thiện. Chùa Bát-nhã trước kia trong khoảng niên hiệu Kiến Đức (572-578) thời Bắc Chu, trong ngoài loạn lạc, tấc xà thước rui quét đất đều hết. Nên mới khai thác quy mô, hoàn bị thêm rực rỡ, bảy lớp bao quanh, trăm trụ cùng gìn giữ, khám thất cao kính, hiên vũ liền mái, mâm vàng bưng mọc ngoài mây, khánh bay lay gió trên trời.

Lại vì Thái Tổ sang nhậm Tùy châu, cũng tạo dựng chùa Đại Hưng Quốc, kinh độ tạo dựng chùa Đại Hưng Thiện. Mở mang tạo lập Tháp linh, rộng đặt cung trời, tượng thiết bày cậy tự khoảng không. Mai Lương giá xoay, Bích Đương ngồi hình thể, Ngọc ĐỀ ngậm sáng, cột họa cưỡi mây, cột đội bưng vàng nhật. Gió hòa linh báu, mưa đượm nhuần phan ngọc. Rừng nở hoa thất giác, ao tràn nước tám công đức. Thỉnh mời chư đại đức lục hòa và danh tăng khắp mọi nơi thường có ba trăm vị, cúng dường tứ sự.

Năm Khai Hoàng thứ năm (585) thời nhà Tùy, thỉnh mời các đại đức kinh sư Pháp sư để cầu thọ giới Bồ-tát. Nhân đó phóng thả các tù nhân, vua bèn ban sắc chiếu rằng: “Trăm sớm ứng lăm phước, nối dõi mạng cung bảo, nên muốn quy y chửng giác, dốc lòng sùng kính thẳng quả. Vậy ngày hai mươi ba tháng này, thỉnh mời chư vị kinh sư Pháp sư đến điện Đại Hưng Thiện để Trăm cầu xin thọ giới Bồ-tát. Nhưng giáo

điển của Bồ-tát lấy giải thoát làm đầu, lấy giới hạnh làm gốc, lấy từ bi làm trước hết. Nay nhà tù đóng tối, có cảm động nơi cõi lòng, từ lưu tội trở xuống, đều nên phóng thả hết cả”. Hứa cho những tù nhân nhẹ tội trong thiên hạ đều được phóng thả có hơn bốn ngàn chín trăm (24.900) người, những kẻ đáng tội chết được giảm nhẹ có hơn ba ngàn bảy trăm (3.700) người. Mọi người ngậm răng đội tóc cũng rạo theo nhảy múa, nhà nhà hưởng phước, người người xưng mừng vui. Ý muốn đổi tâm mờ tối ấy mà tỏ sáng tuệ nhật đây. Các loài có sống đều biết đời đổi hiền lành vậy. Năm đó, vua lại ban sắc chiếu rằng: “Phật đem chánh pháp phó chúc cho các vị Quốc vương, Trẫm là người tôn trọng vâng phụng thọ nhận phó chúc của Phật, từ nay về sau hết đời Trẫm, mỗi tháng thường thỉnh mời mười bốn vị tăng theo phiên trên dưới, cứ bốn vị kinh sư ba vị đại đức đến điện Đại Hưng Thiện đọc tụng hết thầy kinh giáo”. Tuy mắt phải trông xét muôn có, mà tai luôn đượm hưởng pháp vị, mỗi đêm hành đạo, Hoàng hậu thân gần nghe đọc tụng kinh, nếu có chỗ nghi ngờ, thì xin hỏi ở ba vị đại đức. Lại đến Hào châu, tạo dựng chùa Thiên Cung, đến Tinh châu tạo dựng chùa Võ Đức, trước sau mỗi nơi có mười hai viện, bốn phía nhà cửa có hơn trăm gian, cúng dường ba trăm vị Tăng.

Mới đầu, ngày chưa lên ngôi, vua đã đi khắp bốn lăm châu, nên nay đều tạo dựng chùa Đại Hưng Quốc. Ở tại cung Nhân Thọ, tạo dựng chùa Tam Thiện; vì Hiến Hoàng hậu, tạo dựng chùa Đông Thiên Định. Lại ban sắc chiếu rằng: “Nếu hay cao bước thanh hư, cần cầu xuất thế, đều có thể giúp khuyển, ban cấp dạy răn, duỗi bày khuôn phép, núi cốc nhàn xa, hàm linh khác lạ, chỗ khéo thuyết ẩn nói Tiên thánh ở, người học đạo thú hưởng rộng nhiều, gá nghĩ đá núi, qua lại rừng chàm, sự chờ đợi của hình hài có cần thiết đều cấp giúp, khắp Ngũ nhạc cho đến dưới danh sơn của các châu, mỗi nơi đều dựng đặt một ngôi chùa Tăng và ruộng nương”.

Năm Nhân thọ thứ nhất (601) thời nhà Tùy, Văn Đế, Hiến Hậu cùng các cung nhân, v.v... đều cảm xá-lợi tỏa phóng ánh sáng, dùng cối chà để đánh thử nhưng uyển nhiên không tổn hại. Ở khắp bốn mươi châu, mỗi mỗi đều tạo dựng tháp báu, ánh sáng tỏa phát thần biến khác thường đầy đủ như sự biên ghi của Vương Thiệu. Từ đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (605) thời nhà Tùy, độ Tăng Ni có hai mươi ba vạn vị. Trong nước xây dựng ba ngàn chín trăm bảy mươi hai ngôi chùa. Biên tả kinh luận được bốn mươi sáu tạng, gồm một trăm ba mươi hai ngàn không trăm tám mươi sáu (132.086) quyển;

tu bồ kinh cũ gồm ba ngàn tám trăm năm mươi ba (3.853) bộ. Tọa tôn tượng bằng các thứ vàng, đồng, gỗ chiên đàn, giáp trữ, ngà, đá, v.v... lớn nhỏ có một trăm lẻ sáu ngàn năm trăm tám mươi (106.580) pho; tu sửa tượng cũ gồm một triệu năm trăm lẻ tám ngàn chín trăm bốn mươi (1508940) pho. Trong cung thường tạo dệt thêu thành tượng, và tượng họa, Phan châu năm sắc, Phan họa vẽ năm màu v.v... nhiều không thể tính kể. Với thời gian hai mươi bốn năm (581-605), tu tạo công đức hoàng dương Phật pháp của vua Văn Đế, không thể biên ghi đủ, trước đã nói rõ nên không ghi thêm.

Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy, là người nối dõi ứng dưới Võ thừa, nương theo đại nghiệp. Chỉ đức sáng tỏa khắp ức triệu, thần hóa thấm đượm cùng muôn dân. Làng chiêm đoán gió thời mưa, gá núi cầu đầu tháng, đất cây cuộn cát chảy, trầm lắng biển châu ngọc. Ngoài thông suốt chín phái triết học, trong rành rẽ thấu cùng ba tạng, nghiên cứu diệu lý của chân như, hết cả nguồn thuyết của tạo hóa. Thể vật vượt trước, duyên tình phủ xưa. Từng vì giá xa của Đảnh Hồ, yên tìm hồn của Trường Lăng chợt nhiên trọn đây, mới bèn dấy khởi tinh nghiệp, tạo dựng ruộng phước.

Năm Đại nghiệp thứ nhất (605), vì Văn Hoàng Đế mà tạo dựng chùa Tây Thiên Định, đều là thể thức trang nghiêm lớn, hoàn bị chuẩn mực quy mô rộng rãi; xây dựng đài như ý, liệt bày phòng thất thần thông. Đến nhân cao vút, chùa Linh chạm mây. Cây báu tám hàng, hòa linh bốn góc, lung tung cách của ba tầng, treo chuông tự vang hưởng, trải hộ sen ngàn cánh, bưng tòa bay lại, cao vợi nuốt điện Lang Da, vượt đạp không Lỗ cung, hết mọi thứ thần kỳ trong đời, đủ đầy các văn vật. Lại đến Cao Dương, tạo dựng chùa Long Thánh. Văn bia do Bí Thư Lang Ngu Thế Nam soạn thuật. Đó mới là các Nghiêm hương xa đến, tướng Đài Ái Hoa đỡ. Sóng vàng ban đêm dâng trào, bồi hồi bên cạnh Bích Đang. Dây ngọc sáng sớm ánh ngời trải qua giữa khoảng lưới châu, lạng lẽ rộng sáng nơi màn phòng, sinh gió mây nơi hiển cửa. Khám Linh thiên thất, tượng bày hóa thành, vọt đài tháp báu, tận cùng cảnh đồ thần biến. Lại ở nơi đạo tràng, Thắng luận đại hội vô giá. Độ các hàng thanh tín sĩ nữ có một trăm hai mươi người. Lại vì Văn Hoàng đế, kính tạo tôn tượng Phật Thích-ca bằng vàng đồng ngồi tỏa phóng ánh sáng từ mu bàn chân, cao bảy thước hai tấc. Chưa kịp trang nghiêm, mà trên đỉnh ngưng tụ màu xanh biếc, hình thể chiếu ngời sắc màu vàng ròng, phóng ánh sáng lớn chiếu tỏa khắp phòng nhà. Đã cảm thông với điềm tốt lành, ban sắc các châu quận, mỗi mỗi đều đồ họa vậy.

Lại đến Tinh châu, tạo dựng chùa Hoằng Thiện, bên cạnh Long Sơn, làm tôn tượng Di-lặc ngồi cao một trăm ba mươi thước. Đến Dương Châu, tạo dựng đạo tràng Tuệ Nhật; tại kinh đô tạo dựng các chùa Thanh Thiên, chùa Nhật Nghiêm, chùa Hương Đài. Lại xả thí chín cung để tạo dựng chín ngôi chùa. Đến Thái lăng và Trang lăng, mỗi nơi đều tạo dựng một ngôi chùa. Sau khi bình định nhà Trần, đến Dương Châu, tu bổ kinh cũ, và biên tả bản mới có cả thảy sáu trăm mười hai tạng gồm hai mươi chín ngàn một trăm bảy mươi ba (29.173) bộ; chín trăm lẻ ba ngàn năm trăm tám mươi (903.580) quyển. Tu sửa một trăm lẻ một ngàn (101.000) tôn tượng cũ, chú đúc khắc chạm ba ngàn tám trăm năm mươi (3.850) tôn tượng mới. Độ Tăng Ni mười sáu ngàn hai trăm (16.200) vị.

Như trên, ở thời nhà Tùy, phả lục giáo hóa của họ Dương có hai đời vua, với thời gian ba mươi bảy năm (581-617), tạo dựng ba ngàn chín trăm tám mươi lăm (3.985) ngôi chùa, độ hai trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm (236.200) vị Tăng Ni, có hai mươi sáu vị phiên dịch kinh điển được tám mươi hai bộ. Nhờ có nhà Tùy xây dựng nước nhà, Phật giáo Hồi xương, vua Văn Đế mở đầu Linh nghi, điềm lành ứng hợp lắm nhiều. Vua Dương Đế kế thừa, ứng vận lịch báu, dựng xây càng nhiều. Từ xưa trước, khi còn ở phiên đế, từng dựng lập bốn đạo tràng, Phật giáo và Lão giáo đều nêu, trong ngoài đồng cấp giúp. Đến lúc lên ngôi báu, lại càng mở rộng xiển dương, một mực ban huệ đến Hữu sinh, ba chứng nghiệm ở nơi Biệt Quán, cúng dường tứ sự hơn hai ngàn vị. Mỗi năm riêng các ngày húy kỵ đều thiết lập đại trai, mỗi lần đều độ Tăng Ni, trọn sung làm thể thức thường. Đến cuối nhiếp hóa Đại nghiệp (617) thời nhà Tùy, yêu giặc sinh khởi, tuy giao lăm ngu, can qua tiếp nối mà cung kính chỉ một, thủy chung không khuyết, tỳ tán Phật lý khắc nơi các bia minh.

